

Số: /2024/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác
Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý,

sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa (02 bản);
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Một số nội dung chi và mức chi
hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Nghị Quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí địa phương) triển khai thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung và mức chi chung

1. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung chương trình; các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép

a) Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có);

b) Tiền nước uống cho người tham dự: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có);

c) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).

2. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động của chương trình bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là KCB) với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi dự án kết hợp quân dân y. (Riêng đối với dự án tiêm chủng mở rộng chi thực hiện đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc). Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có): Mức chi thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

- Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

+ Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sĩ, y sĩ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã ĐBK); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

- Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

+ Người trực tiếp khám, xét nghiệm: Mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên nếu có): Mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

3. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến (riêng đối với công tác tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối

với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy (nếu có): 30.000 đồng/mẫu;

c) Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

4. Chi tổ chức các cuộc hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình và các hoạt động, dự án thành phần thuộc chương trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có).

5. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế - dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong từng đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch; người tham gia từng đợt tập huấn, điều hành mít tinh, lễ phát động, truyền thông

a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện vận tải công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng;

b) Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành;

c) Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có so sánh với giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó) trong phạm vi dự toán được giao;

d) Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

6. Chi công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc các chương trình, hoạt động: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có).

7. Chi thuê, mượn, trả công cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện công tác hỗ trợ các hoạt động Y tế - Dân số phù hợp với nhu cầu cấp thiết và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị. Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

8. Chi hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) đối với bệnh nhân thuộc hộ nghèo đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh được cơ quan BHYT chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện mới tại cộng đồng: Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

9. Chi điều tra, khảo sát, thống kê các nội dung của từng hoạt động: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, tổng Điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Điều 5. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua các vật dụng đặc thù theo quy định của Bộ Y tế và gia công sản xuất giày dép chuyên biệt cho bệnh nhân phong, pha chế thuốc bôi ngoài da phục vụ khám phát hiện bệnh phong: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6 đến 9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12 đến 18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

3. Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: Bệnh nhân ở xã đặc biệt khó khăn là 300.000 đồng/bệnh nhân; bệnh nhân ở các xã còn lại là 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 6. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống lao

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh nhân lao không có bảo hiểm y tế; mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn (chỉ áp dụng trong các trường hợp không được hỗ trợ chi trả từ các Dự án).

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng;

b) Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: Mức chi 170.000 đồng/bệnh nhân lao/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng;

b) Đối với các xã còn lại: Mức chi 120.000 đồng/bệnh nhân lao/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ người lấy lam máu và thực hiện xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét: 7.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tìm ký sinh trùng sốt rét: 10.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

5. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

6. Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

7. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

8. Chi hỗ trợ người làm môi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

9. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 8. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi mua hóa chất, máy phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, địa điểm và số lần thực hiện theo kế hoạch đơn vị xây dựng và theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định về đấu thầu mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị theo quy định.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

b) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu.

5. Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

6. Chi hỗ trợ người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức chi hỗ trợ một ngày tối đa không quá mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 9. Nội dung và mức chi hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

Chi hỗ trợ cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình (Số lượng cán bộ hỗ trợ do thủ trưởng đơn vị quyết định): 150.000 đồng/xã/tháng.

Điều 10. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư, tim mạch và phòng, chống các rối loạn do thiếu iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ xét nghiệm mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát: 10.000 đồng/người được khám.

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 11. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế tại hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 12. Nội dung và mức chi hoạt động tiêm chủng mở rộng

1. Chi mua bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư cho tiêm chủng mở rộng: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu (trong trường hợp Trung ương không cấp cho địa phương để triển khai tiêm chủng).

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của chương trình

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin);

b) Đối với các xã còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm/uống một trong các loại vắc xin: Viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; vắc xin phòng bệnh bạch hầu-uốn ván, vắc xin phòng bệnh do vi rút Rota, vắc xin phòng bệnh do Phế cầu, vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung, vắc xin phòng bệnh cúm; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

4. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 520.000 đồng/ca bệnh;

b) Đối với các xã còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.

6. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 300.000 đồng/ca bệnh;

b) Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

Điều 13. Nội dung và mức chi hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển từ 15 ngày trở lên: Mức hỗ trợ 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

2. Mua và cấp miễn phí phương tiện tránh thai theo danh mục Bộ Y tế ban hành cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai

a) Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập hiện hành;

b) Chi hỗ trợ tiêm thuốc tránh thai: Theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập.

4. Chi hỗ trợ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng đặc biệt khó khăn và chưa có thẻ bảo hiểm y tế

a) Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh);

b) Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);

c) Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại khoản 5 Điều 4 Quy định này.

5. Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định

Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng nhiễm chất độc dioxin; mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập hiện hành.

6. Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu thập của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

7. Chi kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển.

a) Chi kiểm tra sức khỏe, kiểm tra yếu tố nguy cơ cao, xét nghiệm kiểm tra yếu tố Rh (Rhesus), vi rút viêm gan B và các yếu tố khác ảnh hưởng trực tiếp đến sự mang thai, sự phát triển và chất lượng bào thai cho những cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn thuộc hộ gia đình nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số có nguy cơ sinh con dị tật cao: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành;

b) Chi khám, kiểm tra sức khỏe cho các bà mẹ đang mang thai có nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của bào thai do tác động của môi trường biển thuộc mô hình thí điểm can thiệp bảo đảm sự phát triển bình thường bào thai và sức khỏe cho người mang thai đang sinh sống và làm việc ở khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, cửa biển tại các xã ven biển: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành;

c) Chi khám, kiểm tra sức khỏe phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn cho người từ 15 đến 24 tuổi chưa kết hôn, không đi học, chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định tại các xã ven biển, xã có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế, âu thuyền, cảng cá, vịnh chài, cửa sông, cửa biển: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

8. Hoạt động các Chương trình về Dân số và phát triển

Tập huấn, hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề các nội dung về Dân số và phát triển: Mức chi theo khoản 1, khoản 4, Điều 4 Quy định này.

Điều 14. Nội dung và mức chi hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng

Người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng:

1. Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: Theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập.

2. Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): Tối đa không quá 650.000 đồng/bệnh nhân.

3. Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật tối đa không quá 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 15. Nội dung và mức chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

1. Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

2. Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn, mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nội dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế, nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 16. Nội dung và mức chi hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 10.000 đồng/trẻ/ lần.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

b) Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

3. Chi thù lao cộng tác viên dinh dưỡng: 50.000 đồng/1 cộng tác viên/tháng.

Điều 17. Nội dung và mức chi hoạt động an toàn thực phẩm

1. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

b) Chi hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này). Mức hỗ trợ: Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: 130.000 đồng/người/ngày; tại các khu vực, địa điểm khác: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Chi xây dựng mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể tại địa phương: Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định, nội dung và mức chi

a) Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương;

b) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

c) Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Lấy mẫu, mua mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kiểm tra, hậu kiểm tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về an toàn thực phẩm, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm), thực hiện giám sát môi nguy về an toàn thực phẩm do cấp có thẩm quyền chỉ định: Mức chi lấy mẫu, mua mẫu thực phẩm theo quy định hiện hành, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

Chi mua mẫu, phân tích, đánh giá về an toàn thực phẩm theo quy định, mua trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn, hỗ trợ kinh phí kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, mua mẫu kiểm nghiệm phục vụ kiểm tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá, quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí): Mức chi theo hợp đồng thực tế với đơn vị sản xuất (Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa và Báo Khánh Hòa hoặc các công ty truyền thông).

5. Chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm, mức chi như sau:

a) Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn, việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

6. Chi thuê hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm nghiệm phục vụ chương trình: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

7. Chi công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về An toàn thực phẩm: Mức chi theo quy định khoản 6 Điều 4 Quy định này.

Điều 18. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

1. Chi mua thuốc kháng vi rút HIV (ARV) cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ bảo hiểm y tế, thuốc nhiễm trùng cơ hội, sinh phẩm xét nghiệm HIV, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, bơm kim tiêm, bao cao su và các vật dụng khác cho phòng, chống HIV/AIDS: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm công tác tư vấn cho đối tượng nguy cơ cao lây truyền HIV/AIDS, điều trị methadone: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Chi hỗ trợ nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.

Điều 19. Nội dung và mức chi lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của hoạt động y tế trường học

Chi hỗ trợ báo cáo viên triển khai các chuyên đề về y tế học đường: Theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có).

Điều 20. Nội dung và mức chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp của hoạt động Quân dân y kết hợp

1. Bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập, trang phục cá nhân, thuê mướn trang thiết bị y tế, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có)

a) Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập theo hợp đồng, do Thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được duyệt;

b) Chi trang phục cá nhân, thuê trang thiết bị, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 21. Nội dung và mức chi hoạt động truyền thông y tế

1. Chi sản xuất, biên tập các Chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí); chi mua, sản

xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình, video clip): Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền: Mức chi thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành.

3. Tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề, mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép: Mức chi thực hiện theo khoản 1, khoản 5 Điều 4 Quy định này.

4. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến các hoạt động

a) Chi đăng bài và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao;

b) Các khoản chi khác (nếu có) như: Xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: Theo quy định hiện hành.

Điều 22. Nội dung và mức chi hoạt động Huyết học – Truyền máu

1. Khảo sát thiếu máu thiếu sắt trong cộng đồng nhằm bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu

a) Chi hỗ trợ người trực tiếp tham gia khảo sát thiếu máu, thiếu sắt trong cộng đồng. Mức chi theo chế độ công tác phí hiện hành;

b) Chi xét nghiệm công thức máu, sắt huyết thanh, Ferritin và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành.

2. Chi thực hiện Chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV, HCV, HIV, giang mai: Mức chi theo giá quy định của nhà nước.

3. Hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống

a) Chi xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm máu, làm tiêu bản máu hoặc các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành;

b) Nội dung và mức chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này, ngoài ra, được hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, huyện; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh; 2.000.000 đồng đối với cấp Trung ương.

- Quản lý kết quả xét nghiệm: Sau khi có kết quả xét nghiệm, bộ phận xét nghiệm phải có trách nhiệm thông báo kết quả bằng văn bản hoặc truyền dữ liệu điện tử theo cách thức được lãnh đạo đơn vị phê duyệt cho người hiến máu và các bộ phận có liên quan. Phương thức quản lý kết quả xét nghiệm thông qua phần mềm tin học. Mức chi theo giá thực tế thuê đơn vị xây dựng phần mềm./.

Số: 302 /BC-STP

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Ngày 25/11/2024, Sở Tư pháp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (*viết tắt là dự thảo Nghị quyết*) gửi kèm Công văn số 5314/SYT-KHTC ngày 25/11/2024 của Sở Y tế. Qua xem xét hồ sơ và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành; Sở Tư pháp ý kiến như sau:

I. Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật

Căn cứ Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định **thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh**: “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp*”.

Ngày 21/02/2024, UBND tỉnh có Công văn số 1774/UBND-KGVX gửi các Bộ, ngành trung ương liên quan xin ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết; theo đó, hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết đã nhận được ý kiến thống nhất của các Bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội¹, Bộ Y tế², Bộ Nội vụ³ và Bộ Tài chính⁴.

Sở Tư pháp nhận thấy: việc Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành dự thảo Nghị quyết là thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁵ và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật.

¹ Công văn số 1021/BLĐTBXH-CQHLDTL ngày 14/3/2024

² Công văn số 1835/BYT-KHTC ngày 10/4/2024

³ Công văn số 1382/BNV-TL ngày 13/3/2024

⁴ Công văn số 4103/BTC-NSNN ngày 19/4/2024

⁵ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định:

4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”

II. Về trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết

1. Về trình tự, thủ tục

- *Chủ trương thống nhất xây dựng Nghị quyết*

Qua xem xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 9494/TTr-UBND ngày 26/8/2024 trình Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết; ngày 25/10/2024, Thường trực HĐND tỉnh có văn bản số 568/HĐND-VP đã chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết.

- *Tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật*

Căn cứ chủ trương nêu trên của HĐND tỉnh, ngày 25/10/2024, UBND tỉnh có văn bản số 12095/UBND-KGVX giao Sở Y tế tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở đó, Sở Y tế đã xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết; gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương cho ý kiến đối với các dự thảo đồng thời đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến⁶.

Sau khi tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết; Sở Y tế đã gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để thẩm định.

Như vậy, trước khi chuyển hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định; Sở Y tế đã thực hiện đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục theo Luật định.

2. Về hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết

Đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa:

- Tiêu đề tại dự thảo Tờ trình theo đúng Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ và tên gọi dự thảo Nghị quyết.

- Bổ sung Bảng thuyết minh cụ thể kinh phí dự kiến hàng năm (đính kèm dự thảo Tờ trình).

III. Đối với dự thảo Nghị quyết

1. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

a) *Phần Căn cứ*

- Tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định⁷, đề nghị Sở Y tế bỏ các căn cứ: Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Công văn số 7852/BTC-HCSN.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các căn cứ sau đây:

+ “*Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

⁶ Công văn số 4762/SYT-KHTC ngày 25/10/2024

⁷ “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”

quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi” vì có viện dẫn tại Điều 15 dự thảo Quy định kèm theo.

+ “Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước” vì có viện dẫn tại Điều 17 dự thảo Quy định kèm theo.

+ “Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia” và “Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia” vì có viện dẫn tại khoản 9 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo.

b) Phần Nội nhận

Căn cứ Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị trình bày đầy đủ phần nội nhận, cụ thể cần bổ sung, ghi rõ như sau:

- Ghi rõ:

+ “**Vụ Pháp chế - Bộ Y tế**”, “**Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính**” (để thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền tại khoản 1 Điều 166 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 1 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

+ “**Trung tâm Công báo Khánh Hòa;**”

- Bổ sung:

+ “**Sở Tư pháp;**” (để thực hiện chức năng tự kiểm tra văn bản QPPL theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

+ “**Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa;**”, “**Báo Khánh Hòa;**” (theo quy định về việc đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng tại Điều 157 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung theo khoản 50 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14).

c) Tại đoạn cuối của Điều 2 dự thảo, căn cứ Mẫu số 17 Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, đề nghị chỉnh sửa như sau:

“**Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.**”

2. Về nội dung

- Tại Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa chính xác tên dự thảo Nghị

quyết như sau: “Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

- Tại Điều 2 về hiệu lực thi hành:

+ Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.

+ Khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: 1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ...”.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo áp dụng tất cả các quy định trên để tham mưu nội dung này đồng thời lưu ý thời điểm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết để đảm bảo thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết là ngày 01/01/2025.

III. Đối với dự thảo Quy định kèm theo

1. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị xây dựng bố cục 3 nội dung tại 3 gạch đầu dòng của khoản 1 Điều 4 dự thảo thành các điểm a, b, c.

2. Về nội dung

a) Tên gọi Quy định

Đề nghị chỉnh sửa chính xác như sau: “Một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

(Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại Điều 1 dự thảo).

b) Điều 4

- Tại khoản 1, đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa chính xác các tên gọi:

+ “Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”

(Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại Điều 19 dự thảo).

+ “Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”

(Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 4, khoản 6 Điều này).

- Tại khoản 2:

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi như sau:

+ Phần tên gọi, đề nghị cho vào ngoặc đơn nội dung đoạn “*Riêng đối với dự án tiêm chủng ... lao, bại liệt*”.

+ Tại điểm a, để đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ văn bản, đề nghị chỉnh sửa như sau: “ ... *Mức chi thực hiện áp dụng theo Nghị quyết* ... ”.

+ Tại điểm b, đề nghị rà soát, tránh trùng lặp 02 lần cụm từ “*xã đặc biệt khó khăn*”

- Tại khoản 3:

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung sau:

+ Phần tên gọi, đề nghị rà soát, bổ sung, làm rõ mục đích xét nghiệm để xác định các bệnh nào?

+ Đồng thời, rà soát, xác định có bệnh “*thương hàn*” trong công tác tiêm chủng mở rộng hay không?

- Tại khoản 5:

Đề nghị Sở Y tế sửa đổi, bổ sung:

+ Phần tiêu đề, làm rõ “*chi phí đi lại*” được hỗ trợ theo từng đợt hay các đợt; từ đó, chỉnh sửa lại, cụ thể: “ ... *chi phí đi lại của cán bộ y tế - dân số, người phục vụ, công tác viên và đối tượng trong các từng/các đợt khám sàng lọc, ...; người tham gia từng/các đợt tập huấn, điều hành mít tinh, lễ phát động, truyền thông*”

+ Tại điểm a, bổ sung như sau: “*a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện vận tải công cộng* ... ”

+ Tại điểm c, để tăng mức độ rõ ràng của quy định, đề nghị chỉnh sửa như sau: “... (*có tính đến so sánh với giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó*) ... ”

- Tại khoản 6, sửa lại như sau: “*6. Chi công tác kiểm tra, ... thuộc các chương trình, hoạt động: Mức chi thực hiện theo* ... ”

- Tại khoản 7, phần tiêu đề, chỉnh sửa như sau: “*7. Chi thuê, mượn, trả công cho người* ... ”

- Tại khoản 9, viết lại chính xác tên gọi Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Điều 5

- Tại khoản 1, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*1. Chi mua các vật dụng ... phát hiện bệnh phong: Mức chi theo* ... ”

- Tại khoản 3, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*3. Chi thù lao ... ; bệnh nhân ở các xã còn lại là 200.000 đồng/bệnh nhân*”

Ngoài ra, tại quy định này; đề nghị làm rõ trong trường hợp “*người phát hiện bệnh nhân phong mới*” nhưng không giới thiệu/đưa được đến cơ sở y tế thì có được hưởng thù lao hay không? Vì việc phát hiện bệnh vẫn đem lại hiệu quả quan trọng trong công tác phòng, chống bệnh.

d) Điều 6

Tại điểm a khoản 4, đề nghị chỉnh sửa như sau: “*a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: Mức chi 170.000 đồng/bệnh nhân lao/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; ...*”

(*Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại điểm b khoản này*).

đ) Điều 7

- Tại khoản 1, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*1. Chi mua thuốc ... sốt rét: Mức chi theo ...*”

- Tại khoản 2, đề nghị làm rõ nghĩa cụm từ “*lam máu*” và bỏ dấu ngoặc đơn tại nội dung 7.000 đồng/mẫu (*Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 3 Điều này*).

e) Điều 8

Tại khoản 1, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*1. Chi mua hóa chất ... sốt xuất huyết: Mức chi theo ...*”

g) Điều 10

Tại khoản 2, để đảm bảo tính thống nhất với các khoản còn lại của Điều này, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu*”.

h) Điều 12

Tại khoản 3 có quy định cho trẻ tiêm/uống vắc xin nhưng mức chi hỗ trợ chỉ quy định đối với “*lần tiêm*”; vì vậy, đề nghị làm rõ có chi hỗ trợ đối với “*lần uống*” hay không?

i) Điều 13

Tại điểm c khoản 4, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “*c) Chi phí đi lại ... : Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại khoản 5 Điều 4 Quy định này*” vì Nghị quyết này chỉ có 02 Điều, nội dung quy định Điều 4 nằm trong Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

(*Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 8 Điều này, khoản 7 Điều 17, khoản 3 Điều 21 dự thảo Quy định*).

k) Điều 16

Tại khoản 2, để đảm bảo tính rõ ràng và thống nhất các quy định khác, cơ quan soạn thảo có thể xây dựng lại bố cục như sau:

“*2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng*

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: ...

b) Đối với các xã còn lại: ...”

l) Điều 17

- Tại khoản 4, đề nghị bổ sung đầy đủ tên “Đài Phát thanh – Truyền hình **Khánh Hòa**”

- Tại khoản 7, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “7. **Chi công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về An toàn thực phẩm: Mức chi theo ...**”

m) Điều 18

Tại khoản 3, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định “*Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại*” là không được hưởng mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng hay mức hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng? ‘ ‘

n) Điều 22

- Tại điểm b khoản 3, nội dung gọi tắt “*xã đặc biệt khó khăn*” đã được nêu tại điểm b khoản 2 Điều 4, do đó đề nghị bỏ nội dung này.

- Về quy định “*Quản lý kết quả xét nghiệm*”, đề nghị chỉnh sửa như sau: “ ... *phương thức quản lý kết quả xét nghiệm thông qua phần mềm tin học. ...*”

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về mức chi thực hiện “*thông báo kết quả bằng văn bản*”.

o) Lưu ý chung:

- Rà soát lại một số lỗi chính tả trong toàn bộ văn bản.

- Rà soát, sử dụng thống nhất cách dùng từ “*Chi hỗ trợ ...*” hay “*Chi hỗ trợ cho ...*” trong toàn bộ văn bản.

Sở Tư pháp chuyển Sở Y tế nghiên cứu, sử dụng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận :

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở (để biết);
- Lưu: VT, NV1 (TH).

GIÁM ĐỐC



Lý Nguyễn Nguyên Vũ

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sở Y tế nhận được Báo cáo số 302/BC-STP ngày 26/11/2024 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Sở Y tế tiếp thu, giải trình và chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. Về trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết

Về hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết: Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa:

“- Tiêu đề tại dự thảo Tờ trình theo đúng Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ và tên gọi dự thảo Nghị quyết.

- Bổ sung Bảng thuyết minh cụ thể kinh phí dự kiến hàng năm (đính kèm dự thảo Tờ trình).”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý tiêu đề tại dự thảo Tờ trình như sau:

“TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”

Sở Y tế tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và bổ sung bảng thuyết minh cụ thể kinh phí dự kiến hàng năm (đính kèm dự thảo Tờ trình).

II. Đối với dự thảo Nghị quyết

1. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

a) Phần Căn cứ:

Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế lược bỏ bớt các căn cứ: “Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Công văn số 7852/BTC-HCSN”; bổ sung các căn cứ:

+ “Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi” vì có viện dẫn tại Điều 15 dự thảo Quy định kèm theo.

+ “Thông tư số 02/2015/TT-BLDTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ

Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước” vì có viện dẫn tại Điều 17 dự thảo Quy định kèm theo.

+ “*Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia*” và “*Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia*” vì có viện dẫn tại khoản 9 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo.

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chính lý Phần Căn cứ dự thảo Nghị quyết.

b) Phần Nơi nhận

Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế trình bày đầy đủ phần nơi nhận, cụ thể cần bổ sung, ghi rõ như sau:

“- Ghi rõ:

+ “*Vụ Pháp chế - Bộ Y tế*”, “*Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính*” (để thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền tại khoản 1 Điều 166 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 1 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

+ “*Trung tâm Công báo Khánh Hòa*;”

- Bổ sung:

+ “*Sở Tư pháp*;” (để thực hiện chức năng tự kiểm tra văn bản QPPL theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

+ “*Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa*;”, “*Báo Khánh Hòa*;” (theo quy định về việc đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng tại Điều 157 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung theo khoản 50 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14).

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chính lý, bổ sung phần Nơi nhận của dự thảo Nghị quyết như sau:

“- *Vụ Pháp chế - Bộ Y tế*;

- *Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính*;

- *Trung tâm Công báo Khánh Hòa*;”

- *Sở Tư pháp*;

- *Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa*;

- *Báo Khánh Hòa*;”

c) Tại đoạn cuối của Điều 2 dự thảo, căn cứ Mẫu số 17 Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Sở Tư pháp đề nghị chỉnh sửa như sau:

“Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý đoạn cuối của Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:

“Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.”

2. Về nội dung

- Tại Điều 1, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa chính xác tên dự thảo Nghị quyết như sau:

“Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý Điều 1, dự thảo Nghị quyết thành:

“Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

- Tại Điều 2 về hiệu lực thi hành: Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế như sau:

“+ Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản”.

+ Khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: 1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ... ”.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo áp dụng tất cả các quy định trên để tham mưu nội dung này đồng thời lưu ý thời điểm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết để đảm bảo thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết là ngày 01/01/2025.”

Sở Y tế tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết để đảm bảo thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết là ngày 01/01/2025.

III. Đối với dự thảo Quy định kèm theo

1. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế như sau:

“Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị xây dựng bố cục 3 nội dung tại 3 gạch đầu dòng của khoản 1 Điều 4 dự thảo thành các điểm a, b, c.”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo như sau:

a) Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có);

b) Tiền nước uống cho người tham dự: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (hoặc Nghị quyết mới thay thế nếu có);

c) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, lạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).”

2. Về nội dung

a) Tiêu đề Quy định

Sở Tư pháp đề nghị chỉnh sửa chính xác như sau: *“Một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”*. (Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại Điều 1 dự thảo).

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý Tiêu đề Quy định và Điều 1 dự thảo thành:

“Một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

b) Điều 4

- Tại khoản 1, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa chính xác các tên gọi:

+ *“Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ công chức, ~~viên chức~~ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”*.

(Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại Điều 19 dự thảo).

+ *“Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”*.

(Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 4, khoản 6 Điều này).

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý tên gọi tại khoản 1, Điều 4 dự thảo như sau:

+ *“Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”*. Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại Điều

19 dự thảo.

+ “*Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*”. Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 4, khoản 6 Điều này.

- Tại khoản 2: Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế rà soát, sửa đổi như sau:

“ + Phần tên gọi, đề nghị cho vào ngoặc đơn nội dung đoạn “*Riêng đối với dự án tiêm chủng ... lao, bại liệt*”.

+ Tại điểm a, để đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ văn bản, đề nghị chỉnh sửa như sau: “ ...Mức chi thực hiện áp dụng theo Nghị quyết ...”.

+ Tại điểm b, đề nghị rà soát, tránh trùng lặp 02 lần cụm từ “*xã đặc biệt khó khăn*””.

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý Phần tên gọi, khoản 2, Điều 4 dự thảo như sau: “(Riêng đối với dự án tiêm chủng mở rộng chi thực hiện đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt)”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý điểm a, khoản 2, Điều 4 dự thảo như sau: “ ...Mức chi thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa...”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp về đề nghị rà soát điểm b, tránh trùng lặp 02 lần cụm từ “*xã đặc biệt khó khăn*”; Sau khi rà soát, Sở Y tế giải trình như sau: Đối với nội dung này, Sở Y tế xây dựng tham chiếu theo nội dung chi và mức chi tại điểm b, khoản 19, Điều 4 của Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020.

- Tại khoản 3: Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế rà soát các nội dung sau:

“+ Phần tên gọi, đề nghị rà soát, làm rõ mục đích xét nghiệm để xác định các bệnh nào?”

+ Đồng thời, rà soát, xác định có bệnh “*thương hàn*” trong công tác tiêm chủng mở rộng hay không?”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp; sau khi rà soát, Sở Y tế giải trình như sau:

+ Đối với nội dung này, Sở Y tế xây dựng tham chiếu theo nội dung chi và mức chi tại điểm b, khoản 16, Điều 4 của Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020.

+ Về phần tên gọi tại khoản 3, dự thảo, Sở Y tế điều chỉnh thành: “Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến...”. Một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến được xác định trong các nội dung chi của dự thảo.

+ Về rà soát, xác định có bệnh “thương hàn” trong công tác tiêm chủng mở rộng hay không?: Sở Y tế đã rà soát và giải trình như sau: Bệnh thương hàn không có trong công tác tiêm chủng mở rộng nhưng nội dung chi này được quy định tại khoản 2, Điều 6, Thông tư 26/2018/TT-BTC.

- Tại khoản 5:

+ Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế sửa đổi, bổ sung: “Phần tiêu đề, làm rõ “*chi phí đi lại*” được hỗ trợ theo từng đợt hay các đợt; từ đó, chỉnh sửa lại, cụ thể: “... *chi phí đi lại của cán bộ y tế - dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong từng/các đợt khám sàng lọc, ...; người tham gia từng/các đợt tập huấn, điều hành mít tinh, lễ phát động, truyền thông*””.

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý như sau: “...*chi phí đi lại của cán bộ y tế - dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong từng đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch; người tham gia từng đợt tập huấn, điều hành mít tinh, lễ phát động, truyền thông*”.

+ Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế sửa đổi, bổ sung: “Tại điểm a, đề nghị bổ sung như sau: “*a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện vận tải công cộng...*”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý như sau: “*Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện vận tải công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng;*”.

+ Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế sửa đổi, bổ sung điểm c: “(~~*có tính đến số sánh với giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó*~~)...”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý như sau: “...(~~*có so sánh với giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó*~~)...”.

- Tại khoản 6, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa: “*6. Chi công tác kiểm tra, ... thuộc các chương trình, hoạt động: Mức chi thực hiện theo ...*”; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “*6. Chi công tác kiểm tra, ... thuộc các chương trình, hoạt động: Mức chi thực hiện theo ...*”.

- Tại khoản 7, phần tiêu đề, đề nghị chỉnh sửa như sau: “*7. Chi thuê, mượn, trả công cho người...*”; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “*7. Chi thuê, mượn, trả công cho người ...*”.

- Tại khoản 9, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế viết lại chính xác tên gọi Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “...*Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, tổng Điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính...*”.

c) Điều 5

- Tại khoản 1, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại: “1. Chi mua các vật dụng ... phát hiện bệnh phong: **Mức chi theo ...**”; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “1. Chi mua các vật dụng ... phát hiện bệnh phong: **Mức chi theo ...**”.

- Tại khoản 3, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại như sau: “3. Chi thù lao ... ; bệnh nhân ở các xã còn lại là 200.000 đồng/bệnh nhân”; Ngoài ra, tại quy định này, đề nghị làm rõ trong trường hợp “người phát hiện bệnh nhân phong mới” nhưng không giới thiệu/đưa được đến cơ sở y tế thì có được hưởng thù lao hay không? Vì việc phát hiện bệnh vẫn đem lại hiệu quả quan trọng trong công tác phòng, chống bệnh.”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “3. Chi thù lao... ; bệnh nhân ở các xã còn lại là 200.000 đồng/bệnh nhân”.

Trường hợp “người phát hiện bệnh nhân phong mới” nhưng không giới thiệu/đưa được đến cơ sở y tế thì không được hưởng thù lao này, vì người phát hiện bệnh nhân phong mới phải là nhân viên y tế thăm khám mới phát hiện được bệnh nhân phong.

d) Điều 6

Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa điểm a, khoản 4, như sau: “a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: **Mức chi 170.000 đồng/bệnh nhân lao/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; ...**” (Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại điểm b khoản này).

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành:

“a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: **Mức chi 170.000 đồng/bệnh nhân lao/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng;**

b) Đối với các xã còn lại: **Mức chi 120.000 đồng/bệnh nhân lao/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.**”

đ) Điều 7

- Tại khoản 1, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “1. Chi mua thuốc ... sốt rét: **Mức chi theo ...**”; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành:

“1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét: **Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.**”

- Tại khoản 2, đề nghị làm rõ nghĩa cụm từ “lam máu” và bỏ dấu ngoặc đơn tại nội dung 7.000 đồng/mẫu (Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 3 Điều này); Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành:

“2. Chi hỗ trợ người lấy lam máu và thực hiện xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét: 7.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tìm ký sinh trùng sốt rét: 10.000 đồng/mẫu.”

Sở Y tế giải thích nghĩa cụm từ “*lam máu*” như sau: Đây là một thuật ngữ, chuyên môn y học, là một tiêu bản xét nghiệm dùng để tìm ký sinh trùng sốt rét...

e) Điều 8

Tại khoản 1, Sở Tư pháp đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “1. Chi mua hóa chất ... sốt xuất huyết: **Mức chi theo ...**”; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “1. Chi mua hóa chất, máy phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết: **Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp...**”.

g) Điều 10

Tại khoản 2, Sở Tư pháp đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, ~~mức chi:~~ 5.000 đồng/mẫu”; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý thành: “2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu: 5.000 đồng/mẫu.”

h) Điều 12

Sở Tư pháp có ý kiến như sau: “Tại khoản 3 có quy định cho trẻ tiêm/uống vắc xin nhưng mức chi hỗ trợ chỉ quy định đối với “*lần tiêm*”; vì vậy, đề nghị làm rõ có chi hỗ trợ đối với “*lần uống*” hay không?”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và bổ sung như sau: “3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; uống hoặc tiêm một trong các loại vắc xin:...”

i) Điều 13

Tại điểm c khoản 4, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại như sau: “c) Chi phí đi lại ... : **Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại khoản 5 Điều 4 Quy định này**”. (Đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 8 Điều này, khoản 7 Điều 17, khoản 3 Điều 21 dự thảo Quy định).

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý điểm c khoản 4 như sau: “c) Chi phí đi lại ... : **Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại khoản 5 Điều 4 Quy định này**”.

Đồng thời, Sở Y tế đã tiếp thu và chỉnh lý khoản 8 Điều này, khoản 7 Điều 17, khoản 3 Điều 21 dự thảo Quy định.

k) Điều 16

Tại khoản 2, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế xây dựng lại bố cục như sau:

“2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: ...

b) Đối với các xã còn lại: ...”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý lại khoản 2, Điều 16, dự thảo Quy định như sau:

“2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

b) Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).”

l) Điều 17

- Tại khoản 4, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế bổ sung đầy đủ tên *“Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý lại như sau: “...Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa....”*.

- Tại khoản 7, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại như sau: *“7. Chi công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về An toàn thực phẩm: Mức chi theo ...”*; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý lại thành: *“7. Chi công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về An toàn thực phẩm: Mức chi theo quy định khoản 6 Điều 4 Quy định này.”*

m) Điều 18

Tại khoản 3, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế làm rõ quy định: *“Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại”* là không được hưởng mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng hay mức hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng?; Sở Y tế giải trình như sau:

Đối với nội dung chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng nhưng không quá 600.000 đồng/tháng.

Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại; có nghĩa là, những người này không được hưởng mức hỗ trợ nào nữa, chỉ hưởng một chế độ hỗ trợ duy nhất.

n) Điều 22

- Sở Tư pháp đề nghị: *“Tại điểm b khoản 3, nội dung gọi tắt “xã đặc biệt khó khăn” đã được nêu tại điểm b khoản 2 Điều 4, do đó đề nghị lược bỏ nội dung này.”*; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý điểm b khoản 3 Điều 22 thành: *“b) Nội dung và mức chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này, ngoài ra, được hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, huyện; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh; 2.000.000 đồng đối với cấp Trung ương.”*

- Về quy định “Quản lý kết quả xét nghiệm”, đề nghị chỉnh sửa như sau: *“... phương thức quản lý kết quả xét nghiệm thông qua phần mềm tin học...”*; Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và chỉnh lý lại thành: *“...Phương thức quản lý kết quả xét nghiệm thông qua phần mềm tin học...”*.



- Ngoài ra, Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, bổ sung quy định về mức chi thực hiện “*thông báo kết quả bằng văn bản*”. Vấn đề này, Sở Y tế có ý kiến như sau: Sở Y tế xây dựng nội dung chi và mức chi dựa trên cơ sở của Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018, nội dung chi và mức chi thực hiện “*thông báo kết quả bằng văn bản*” không được quy định trong Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018. Vì thế, Sở Y tế không có căn cứ để tham mưu nội dung này vào dự thảo Nghị quyết.

o) Lưu ý chung

Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế:

“ - Rà soát lại một số lỗi chính tả trong toàn bộ văn bản.

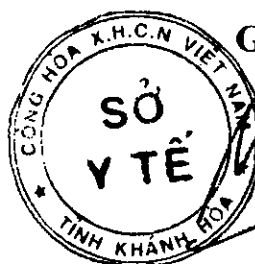
- Rà soát, sử dụng thống nhất cách dùng từ “*Chi hỗ trợ ...*” hay “*Chi hỗ trợ cho ...*” trong toàn bộ văn bản.”

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và hoàn chỉnh toàn bộ dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Sở Y tế kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (VBĐT);
- UBND tỉnh (b/c)(VBĐT);
- Lãnh đạo Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Khoa



Khánh Hòa, ngày 25 tháng 11 năm 2024

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Tờ trình và Nghị quyết
ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác
Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến:
Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 55.
Tổng số ý kiến nhận được: 35.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Y tế đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Tài chính	Sở Tài chính có ý kiến như sau: 1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, bao gồm Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016- 2020 không còn được áp dụng. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại các Công văn số 3160/BTC-HCSN ngày 07/4/2022, Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 về việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT Y tế-Dân số giai đoạn 2021-2025.</p> <p>Sở Y tế đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế-Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là cần thiết.</p> <p>2. Về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết:</p> <p>Theo thuyết minh của Sở Y tế, tổng kinh phí dự kiến thực hiện Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 17.046 triệu đồng/năm.</p> <p>Theo đó, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách không tăng so với dự toán kinh phí ngân sách địa phương hiện đang</p>	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẠC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>bố trí năm 2024 để Sở Y tế thực hiện các nhiệm vụ thuộc kế hoạch công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Vì vậy, Sở Tài chính thống nhất với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p>	
	Sở Lao động –Thương binh và Xã hội	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Nội vụ	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Ngoại vụ	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Du lịch	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Xây dựng	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Sở Công thương	Không có ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Ban Dân tộc tỉnh	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm	UBND huyện góp ý như sau: 1. Tại Điều 4. Nội dung và mức chi chung: <i>Khoản 3, mục c) Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu. Đề xuất tăng mức hỗ trợ cho người cho mẫu máu mao mạch lên 20.000 đồng/mẫu.</i>	Sở Y tế tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh và giải trình như sau: 1. Tại điểm c, khoản 3, Điều 4. Nội dung và mức chi chung Sở Y tế dự thảo nội dung chi và mức chi tham chiếu theo Thông tư 26/2018/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>2. Tại Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt rét: <i>Khoản 3. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tìm ký sinh trùng sốt rét 10.000 đồng/mẫu.</i> Đề xuất tăng mức hỗ trợ người cho mẫu máu tìm ký sinh trùng sốt rét 20.000 đồng/mẫu.</p> <p>3. Trong Dự thảo Nghị quyết chưa có nội dung chi cho hoạt động Chăm sóc Sức khỏe sinh sản. Vì vậy, UBND huyện đề nghị bổ sung vào Nghị quyết như sau:</p> <p>- Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành: + Người trực tiếp khám sàng lọc, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm), mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã ĐBK); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;</p>	<p>mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Vì vậy, đề xuất tăng mức hỗ trợ cho người cho mẫu máu mao mạch lên 20.000 đồng/mẫu của UBND huyện là thiếu cơ sở.</p> <p>2. Tại khoản 3, Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt rét:</p> <p>Sở Y tế dự thảo nội dung chi và mức chi: “Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tìm ký sinh trùng sốt rét 10.000 đồng/mẫu.” dựa trên nhu cầu đề xuất của đơn vị đầu mối Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Trong giai đoạn đề nghị xây dựng Nghị quyết, Sở Y tế đã gửi lấy ý kiến và UBND huyện không có ý kiến về nội dung này, đồng thời Sở Tài chính đã cân đối ngân sách địa phương đối với kinh phí dự kiến khi thực hiện Nghị quyết. Vì vậy, đề xuất tăng mức hỗ trợ người cho mẫu máu tìm ký sinh trùng sốt rét 20.000 đồng/mẫu của UBND huyện là thiếu cơ sở.</p> <p>3. Đối với đề xuất bổ sung vào Nghị quyết nội dung chi cho hoạt động Chăm sóc Sức khỏe sinh sản, Sở Y tế</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBKK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;</p> <p>- Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có): Sàng lọc protein niệu (trong mỗi lần khám thai, tối đa 04 lần/thai kỳ), Sàng lọc 03 bệnh lây truyền từ mẹ sang con (VGB, Giang mai, HIV) cho PNMT (<i>Chi trả theo giá của Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo từng thời điểm</i>).</p> <p>- Chi hỗ trợ cho nhân viên Y tế hoặc cô đỡ thôn bản thực hiện chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh vùng khó khăn sau sinh tại nhà (03 lần trong 42 ngày sau sinh tại nhà): 100.000 đồng/lần/trường hợp.</p>	<p>có ý kiến như sau:</p> <p>Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số được Sở Y tế tham chiếu theo Thông tư số 26/2018/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020.</p> <p>Đối với đề nghị bổ sung nội dung chi cho hoạt động Chăm sóc Sức khỏe sinh sản, nội dung này không có trong Thông tư số 26/2018/TT-BTC, vì vậy thiếu căn cứ để đưa vào Nghị quyết.</p> <p>Hơn nữa, trong giai đoạn đề nghị xây dựng Nghị quyết, Sở Y tế đã gửi lấy ý kiến và UBND huyện không có ý kiến về nội dung này; Sở Tài chính đã cân đối ngân sách địa phương đối với kinh phí dự kiến khi thực hiện Nghị quyết.</p>
	Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh	Tổng nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh	Tổng nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Tổng nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Chi cục Dân số - KHHGD	<p>Chi cục Dân số - KHHGD có ý kiến góp ý như sau:</p> <p>1. Đối với Tờ trình: tại điểm 2 “Cơ sở thực tiễn”:</p> <p>Sửa lại “số con trung bình của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 1,81 con/phụ nữ (2020); Tỷ suất sinh thô đạt 14,5‰ (2020); Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,88‰ vào năm 2020.</p> <p>2. Tại khoản 1, 2, Điều 13. Nội dung và mức chi hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình góp ý như sau:</p> <p>1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển từ 15 ngày trở lên.</p>	<p>Sở Y tế tiếp thu, điều chỉnh điểm 2, Cơ sở thực tiễn, dự thảo Tờ trình như sau:</p> <p>“...số con trung bình của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 1,81 con/phụ nữ (2020); tỷ suất sinh thô đạt 14,5‰ (2020); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,88‰ (2020);...”</p> <p>2. Sở Y tế tiếp thu, điều chỉnh khoản 1, khoản Điều 13 như sau:</p> <p>“1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển từ 15 ngày trở lên. Mức hỗ trợ 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>+ Bỏ câu “<i>người dân sống tại xã có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con</i>” không còn phù hợp với tình hình hiện tại vì Khánh Hòa hiện là 1 trong 21 tỉnh có mức sinh thấp theo Quyết định số 2019/QĐ-BYT, ngày 27/4/2021 của Bộ Y tế;</p> <p>2. Mua và cấp miễn phí phương tiện tránh thai theo danh mục Bộ Y tế ban hành cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; <u>người dân sống tại xã có tỷ suất sinh trên 2,3 con</u>; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.</p> <p>+ Bỏ câu “<i>người dân sống tại xã có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con</i>” không còn phù hợp với tình hình hiện tại vì Khánh Hòa hiện là 1 trong 21 tỉnh có mức sinh thấp theo Quyết định số 2019/QĐ-BYT, ngày 27/4/2021 của Bộ Y tế.</p>	<p>2. Mua và cấp miễn phí phương tiện tránh thai theo danh mục Bộ Y tế ban hành cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.”</p>
	Bệnh viện đa khoa Yersin Nha	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Trang	dự thảo Nghị quyết.	
	Bệnh viện Da liễu	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Bệnh viện CK Tâm thần	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Bệnh viện Ung bướu	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Bệnh viện Nhiệt đới	Không có ý kiến.	
	Trung tâm PHCN-Giáo dục trẻ em khuyết tật	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Trung tâm Giám định Y khoa	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Trung tâm Kiểm nghiệm	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Trung tâm Pháp y	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	<p>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có ý kiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 3, Điều 10: Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu. Đề nghị sửa thành: "<i>Chi hỗ trợ xét nghiệm mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.</i>" - Tại khoản 3, Điều 12: Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: Viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi- rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung. Đề nghị sửa thành: "<i>Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: Viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; vắc xin phòng bệnh bạch hầu-uốn ván, vắc xin phòng bệnh do vi rút Rota, vắc xin phòng bệnh do Phế cầu, vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung, vắc xin phòng bệnh cúm, cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch</i> 	<p>Sở Y tế tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh và giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 3, Điều 10, Sở Y tế tiếp thu và điều chỉnh thành: "<i>3. Chi hỗ trợ xét nghiệm mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.</i>" - Tại khoản 3 Điều 12, Sở Y tế tiếp thu và điều chỉnh thành: "<i>Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: Viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi- rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; vắc xin phòng bệnh bạch hầu-uốn ván, vắc xin phòng bệnh do vi rút Rota, vắc xin phòng bệnh do Phế cầu, vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung, vắc xin phòng bệnh cúm, cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung.</i>" - Tại Điều 21: Nội dung mức chi hoạt động truyền thông y tế, Sở Y tế tiếp thu và hoàn chỉnh như sau: "<i>3. Tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề, mít tinh, tháng hành</i>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p><i>tiêm chủng bổ sung</i>".</p> <p>- Tại Điều 21: Nội dung mức chi hoạt động truyền thông y tế (<i>Chưa có nội dung và mức chi cho hoạt động lễ mít tinh, lễ phát động</i>). Đề nghị bổ sung thêm Điều mới về nội dung và mức chi hoạt động lễ mít tinh, lễ phát động:</p> <p><i>"- Chi hỗ trợ xăng xe cho người tham gia tập huấn, người tham gia điều hành mít tinh, lễ phát động, truyền thông.</i></p> <p><i>- Chi hỗ trợ cho người tham gia điều hành mít tinh, lễ phát động."</i></p>	<p><i>động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép: Mức chi thực hiện theo khoản 1, khoản 5 Điều 4 Nghị quyết này."</i></p>
	Trung tâm Y tế thành phố Nha Trang	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	
	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	Trùng với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm.	Sở Y tế tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh và giải trình như trên.
	Công thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa	Không có ý kiến góp ý	

THÔNG BÁO

**Kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp thông qua
một số nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 16 và các nội dung
thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh**

Ngày 28/11/2024, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Tấn Tuân đã chủ trì cuộc họp UBND tỉnh thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 16 và các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Tham dự họp có 21/25 thành viên UBND tỉnh; vắng 04 thành viên (Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Sở Tư Pháp do đi công tác; Giám đốc Công an tỉnh: đã chuyển công tác, Giám đốc Sở Giao thông vận tải: đã nghỉ hưu nhưng chưa miễn nhiệm thành viên UBND tỉnh).

Cuộc họp đã thông qua từng nội dung cụ thể như sau:

1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở trên địa bàn tỉnh

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 5938/STC-TCHCSN ngày 22/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính đối với dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở trên địa bàn tỉnh. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 6067/STC-QLNS ngày 28/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết



của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính đối với dự thảo Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giao Sở Tài chính tiếp tục nghiên cứu, cân đối ngân sách, đảm bảo việc phân bổ kinh phí phù hợp đối với hợp đồng lao động (lái xe, hỗ trợ phục vụ).

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thường xuyên giữa các cấp ngân sách ở địa phương năm 2023 và thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 6061/STC-QLNS ngày 28/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính đối với dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thường xuyên giữa các cấp ngân sách ở địa phương năm 2023 và thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

4. Quy định về chế độ hỗ trợ nhân ngày lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Quốc khánh 02/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán hàng năm trên địa bàn tỉnh

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 6054/STC-TCHCSN ngày 27/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính đối với dự thảo Nghị quyết Quy định về chế độ hỗ trợ nhân ngày lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Quốc khánh 02/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán hàng năm trên địa bàn tỉnh. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội

đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

5. Ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Y tế báo cáo (tại Tờ trình số 5397/TTr-SYT ngày 27/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Y tế đối với dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

6. Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Y tế báo cáo (tại Tờ trình số 5409/TTr-SYT ngày 27/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Y tế đối với dự thảo Nghị quyết Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

7. Về việc đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị xã Ninh Hòa

Sau khi nghe Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo (tại Công văn số 3691/SVHTT-QLVHGD ngày 22/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự



hợp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Văn hóa và Thể thao đối với dự thảo Nghị quyết về việc đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị xã Ninh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

8. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Du lịch báo cáo (tại Công văn số 2952/SDL-VP ngày 25/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Du lịch đối với dự thảo Nghị quyết Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

9. Gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công

Sau khi nghe Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo (tại Công văn số 5421/SKHĐT-TH ngày 27/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự thảo Nghị quyết Gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn chỉnh dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, hồ sơ nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu.

10. Hồ sơ Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

Sau khi nghe Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn báo cáo (tại Báo cáo số 6740/BC-SNN ngày 27/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất thông qua nội dung trình HĐND tỉnh Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích bổ sung để thực hiện Dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rà soát, hoàn chỉnh dự thảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

11. Hồ sơ Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cò, xã Sơn Bình

Sau khi nghe Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn báo cáo (tại Báo cáo số 6102/BC-SNN ngày 01/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất thông qua nội dung trình HĐND tỉnh Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cò, xã Sơn Bình. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rà soát, hoàn chỉnh dự thảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo (tại Tờ trình số 407/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, hoàn chỉnh nội dung, thể thức văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

13. Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Tờ trình số 5972/TTr-STC ngày 22/11/2024), ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp; trên cơ sở kết quả biểu quyết

của thành viên UBND tỉnh (100% thành viên UBND tỉnh dự họp tán thành), Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh nội dung, thể thức văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

Yêu cầu các sở, ngành liên quan khẩn trương hoàn chỉnh các hồ sơ nghị quyết, trình ký, phát hành theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các cơ quan thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo + các phòng: KT, XDND, KGVX, KSTTHC VPUB tỉnh;
- Lưu: VT, HP, HT.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thanh Hà

Số: 3HA /BC-UBND

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020

Để đảm bảo cơ sở xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; UBND tỉnh báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ, đã cung cấp nhiều dịch vụ y tế, bao phủ chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần quan trọng cho mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội; Góp phần cải thiện và nâng cao sức khỏe của người dân Việt Nam; Xây dựng được một mạng lưới y tế dự phòng rộng khắp từ tuyến tỉnh tới tuyến cơ sở. Hoạt động y tế dự phòng được tăng cường, giám sát dịch chặt chẽ, chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời không chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, không chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng; Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm; Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học; Không chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân vùng biên giới, biển đảo và vùng trọng điểm an ninh quốc phòng. Thông qua nguồn ngân sách chương trình, các cơ sở y tế dự phòng và khám chữa bệnh được củng cố về đào tạo cán bộ, đầu tư trang thiết bị để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Sau 5 năm triển khai CT MTYT-DS đã đạt được nhiều thành quả đáng kể, cụ thể là: Công tác phòng chống dịch luôn được quan tâm, có kế hoạch phòng chống dịch chủ động ngay từ đầu năm, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện và xử lý kịp, tỉnh Khánh Hòa kiểm soát được các bệnh, dịch mới nổi,

không có dịch lớn xảy ra; Tiếp tục giảm số mắc, số chết của nhiều bệnh dịch nguy hiểm (đến năm 2020, giảm tỷ lệ mắc bệnh lao trong cộng đồng xuống còn 120,5/100.000 dân, giảm tỷ lệ mắc sốt rét xuống còn 0,02/1.000 dân số chung, không có chết do sốt rét); Kiểm soát được các ổ dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue, không để dịch phát tán thành ổ dịch lớn; Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ $\geq 95\%$ cho trẻ em dưới 1 tuổi, phụ nữ có thai tiêm UV2+ đạt $>95\%$; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân đã giảm từ 9,08% năm 2016, đến năm 2020 xuống còn 7,4%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể thấp còi đã giảm từ 10,4% năm 2016 xuống 8,6% năm 2020; Chú trọng phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, y tế học đường, triển khai thực hiện quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng; Kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng, giảm số người nhiễm mới. Công tác dân số đã đạt được những kết quả vượt bậc, tốc độ gia tăng dân số, đã được khống chế thành công, ổn định mức sinh thay thế; số con trung bình của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 1,77 con/phụ nữ; tỷ suất sinh thô giảm từ 14,8‰ (2016) xuống còn 14,32‰ (2020); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 0,74% vào năm 2016 giảm xuống còn 0,62% vào năm 2020; chất lượng dân số ngày càng được nâng lên, tuổi thọ bình quân, thu nhập bình quân đầu người tăng lên, nhiều mô hình, dự án về nâng cao chất lượng dân số được triển khai thành công và từng bước mở rộng khắp 100% huyện, thành phố, thị xã trong toàn tỉnh. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình của các cấp, các ngành và toàn dân. Mỗi cặp vợ chồng có 2 con đã trở thành chuẩn mực, lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội. Dịch vụ dân số và kế hoạch hóa gia đình được mở rộng, chất lượng ngày càng cao.

Ngày 02/6/2020, Bộ Y tế có Công văn số 3033/BYT-KH-TC của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 7272/BYT-KH-TC ngày 27/12/2020 về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn tới; Ngày 13/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 1621/VPCP-KGVX về việc chuyển nội dung của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Bộ Y tế có Quyết định số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 31/7/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 đã hết hiệu lực, nên việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên rất khó khăn, do không có định mức chi của các hoạt động; Ngày 08/8/2022, Bộ Tài chính có Công văn số 7852/BTC-HCSN về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

Để duy trì các kết quả đã đạt được trong phòng, chống dịch, bệnh và sức

khoẻ cộng đồng; quản lý an toàn thực phẩm; tiêm chủng mở rộng và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; dân số và phát triển; chăm sóc sức khoẻ sinh sản và sức khoẻ người cao tuổi; phòng chống HIV/AIDS, ...; Việc xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách, nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo là hết sức cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng và thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về công tác dân số tới người dân, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra của nhiều Kế hoạch và Chương trình về lĩnh vực Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như: Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 12/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 20 -NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Kế hoạch số 4569/KH-UBND ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 12/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 4568/KH-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 22-CTr/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; - Kế hoạch số 6676/KH-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Khánh Hòa thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch số 5363/KH-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh về việc kế hoạch hoạt động Chương trình truyền thông Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030; Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2025; Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ-DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

- Dự án 1 - Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

Hoạt động phòng, chống lao: Hoạt động phòng, chống lao có nhiều chuyển biến tích cực, triển khai khám phát hiện chủ động bệnh nhân lao được tổ chức hằng năm, tỷ lệ điều trị khỏi của bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học >92% được duy trì trong nhiều năm qua (Yêu cầu của CTCLQG là 90%); tỷ lệ điều trị khỏi của bệnh nhân lao kháng thuốc được duy trì trên 83%. (Yêu cầu của CTCLQG là 70%); tỷ lệ chết/100.000 dân thấp khoảng 1.8 – 2.2 trong khi đó toàn quốc năm 2016 nằm ở khoảng 8.9-19; tỷ lệ mắc bệnh lao 114,6/100.000 dân năm 2020 (Yêu cầu của CTCLQG là 131/100.000 dân); tỷ lệ bỏ trị luôn được duy trì ở mức thấp ở cả đối tượng lao thường và lao kháng thuốc.

Phòng, chống phong: 100% người bệnh phong khuyết tật được chăm sóc khuyết tật và phục hồi chức năng và 50% số huyện/ thị xã/thành phố đạt 4 tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong tuyến huyện (4/8 huyện).

Khánh Hòa không phát hiện ca sốt rét nội địa, sốt rét ngoại lai giảm mỗi năm, đến năm 2020 bệnh nhân sốt rét giảm 5,2 lần so với năm 2016; không còn tử vong do sốt rét; BNSR/1.000 dân giảm từ 0,34 năm 2016 xuống còn 0,06 năm 2020.

Hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết: Tình hình sốt xuất huyết tại Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020 diễn biến tăng giảm rất phức tạp; chỉ số mắc /100.000 dân so với chỉ tiêu giảm 8% so với giai đoạn 2011 – 2015 nhiều năm không đạt; bệnh tăng cao gấp nhiều lần vào năm 2019. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của công tác giám sát kịp thời các ổ bệnh, người dân cũng nhận thức được mức độ nguy hiểm của bệnh dịch, cộng với kinh nghiệm điều trị, xử trí tốt các trường hợp bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện nên tỷ lệ chết/tỷ lệ mắc đã không chệch đến mức thấp nhất.

Các chỉ tiêu Chương trình phòng chống Đái tháo đường (ĐTĐ), Tim mạch (TM) được giao đều hoàn thành nhờ công tác phối hợp, sự nhiệt tình, có trách nhiệm các Đơn vị phòng chống THA, ĐTĐ các huyện/thị/TP cũng như sự tham gia tích cực của các Trạm y tế xã/phường/thị trấn triển khai chương trình. Tỷ lệ người bị tăng huyết áp được phát hiện sớm đạt trên 50% theo chỉ tiêu, trong đó 50% được quản lý và điều trị; 40% số người bệnh ĐTĐ được phát hiện, trong đó 50% được quản lý, điều trị. Tỷ lệ broun cổ trẻ em từ 8-10 tuổi đạt 4,9% (chỉ tiêu <8%).

Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng: đạt 100% số xã/phường quản lý các bệnh: Tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm và các rối loạn tâm

thần khác; đã quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng cho 100% số bệnh nhân tại các xã/phường được triển khai (chỉ tiêu 85%).

Hoạt động phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản: Nhờ vào Dự án PC BPTNMT&HPQ tại tỉnh Khánh Hòa đã triển khai được 03 phòng CMU tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa. Trong đó, Chỉ có phòng CMU tại bệnh viện Lao và Bệnh phổi triển khai hồ sơ bệnh án quản lý điều trị ngoại trú cho bệnh nhân. Năm 2020 đã quản lý được 598 bệnh nhân BPTNMT&HPQ, trong đó 559 bệnh nhân BPTNMT (93,5%) và 28 bệnh nhân HPQ (6,5%). Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên chỉ thực hiện 440 lượt đo CNHH tại phòng quản lý HPQ-COPD; phát hiện được 47 bệnh nhân COPD mới và 03 bệnh nhân HPQ mới đưa vào quản lý.

Hoạt động y tế học đường: Tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như: Cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2015 giảm rõ rệt qua từng năm và dưới 30%; trên 90% tỷ lệ trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường trung bình; mỗi năm trên 90% số học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm và trắng đều qua các năm.

- Dự án 2 – Tiêm chủng mở rộng

Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020 luôn đạt tỷ lệ cao. Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 95%: năm 2016: 98,31%; năm 2017: 98,02%; năm 2018: 97,49%; năm 2019: 97,02%; năm 2020: 95%.

- Dự án 3 – Dân số và phát triển

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Năm 2020, tiếp tục duy trì, ổn định mức sinh thay thế: nâng số con bình quân của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 1,75 con/phụ nữ năm 2016 tăng nhẹ lên mức 1,77 con/phụ nữ (theo số liệu Tổng Điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019); tốc độ tăng dân số hàng năm được khống chế ở mức 0,76% nên quy mô dân số của tỉnh hiện nay ở mức trung bình 1,24 triệu người so với các tỉnh/thành; tỷ lệ cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại tiếp tục ở mức cao 75,7% đạt và vượt mức trung ương giao 70,1%; tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái) thực hiện 110 đạt dưới mức chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao 110,5 và trung ương giao 115.

Giai đoạn 2016-2020: Tốc độ gia tăng dân số của tỉnh tiếp tục được khống chế ở khoảng 0,76%/năm, quy mô dân số năm 2020 là 1,241 triệu người đạt mục tiêu đề ra (<1,296 triệu người), mô hình gia đình ít con được chấp nhận rộng rãi trong cộng đồng; tỷ lệ cặp vợ chồng sử dụng các BPTT hiện đại tiếp tục duy trì ở mức cao, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt và vượt kế hoạch và giảm 25% người chưa thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn so mục tiêu đề ra.

Công tác phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng: Đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, 80% người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ PHCN phù hợp; 60% trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi được phát hiện, can thiệp sớm.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Trên 50% người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ, được điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế.

Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản: Giảm tỷ suất chết trẻ em < 1 tuổi xuống còn 4,8 ‰ (chỉ tiêu 14‰); Giảm tỷ suất chết mẹ xuống còn 28/100.000 trẻ đẻ sống (chỉ tiêu 52/100.000 trẻ đẻ sống). 100% xã, phường, thị trấn được triển khai và quản lý về chăm sóc sức khỏe sinh sản. 100% trạm y tế có bố trí hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi.

Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân năm 2020 là 7,35%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi là 8,56%. Tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em dưới 5 tuổi; hàng năm trên 98% trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi và trên 90% bà mẹ sau sinh trong vòng 01 tháng được uống vitamin A.

- Dự án 4 – An toàn thực phẩm: Kết quả triển khai các hoạt động của Dự án đảm bảo đạt các mục tiêu, chỉ tiêu chuyên môn đã đề ra. Giảm số vụ NDTP có số người mắc ≥ 30 người so với trung bình giai đoạn 2011-2015; Giảm tỷ lệ mắc NDTP cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 7 người/100.000 dân; 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng; người quản lý được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm.

- Dự án 5 – Phòng chống HIV/AIDS

Không chế thành công tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa dưới 0,2%, giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; số người nhiễm mới HIV và tử vong do AIDS giảm đáng kể.

Chỉ tiêu 90% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình, đến năm 2020 tỉnh đã đạt được 59,5%.

Đạt được 81,9% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút (ARV) so với chỉ tiêu 90% do có nhiều trường hợp bệnh nhân bỏ địa phương đi làm ăn xa nên chưa có thông tin về tình trạng điều trị ARV.

Với chỉ tiêu 90% số người điều trị ARV có tải lượng vi rút HIV thấp dưới ngưỡng ức chế, Khánh Hòa đạt được chỉ tiêu đề ra là 96% năm 2020.

- Dự án 6 – Đảm bảo máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học: Số lượng máu tiếp nhận được đạt 21.000 đơn vị vào năm 2020; Khánh Hòa có 03 Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh (Bệnh viện tỉnh, Cam Ranh, Ninh Hòa), tuy nhiên chỉ có Bệnh viện đa khoa tỉnh là thực hiện điều trị các bệnh lý về máu, đạt 33,3% các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh trong vùng dịch tễ đủ khả năng chẩn đoán và điều trị bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh Thalassemia); đạt 68% bệnh nhân

mắc bệnh ưa chảy máu (bệnh Hemophilia) được chẩn đoán và quản lý (chi tiêu 60%).

- **Dự án 7 - Quân dân y kết hợp:** UBND tỉnh đã thành lập ban quân dân y kết hợp do Giám đốc Sở Y tế làm trưởng ban, chủ nhiệm quân y tỉnh đội làm phó ban. Ban quân dân y kết hợp đã có sự phối hợp đồng bộ để triển khai các hoạt động, nhất là lập các kế hoạch diễn tập, kế hoạch phòng thủ, kế hoạch phối hợp xây dựng trạm y tế quân dân y kết hợp... Hoàn thành xây dựng tài liệu địa lý y tế quân sự của tỉnh Khánh Hòa, đây là tài liệu có ý nghĩa chiến lược về các điều kiện địa lý, tự nhiên, xã hội và y tế có ảnh hưởng đến sức khỏe bộ đội và nhân dân trong thời bình, đảm bảo quân y trong kế hoạch phòng thủ khi có chiến tranh xảy ra.

- **Dự án 8 - Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế**

100% các cơ sở y tế được kiểm tra, giám sát định kỳ hằng năm.

100% nhân viên y tế phụ trách các Chương trình, Dự án tuyến tỉnh, huyện được đào tạo, tập huấn về theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và kỹ năng truyền thông về các nội dung của các Chương trình, Dự án.

100% Trung tâm Y tế huyện tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông về các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2016 đến nay như sau: (Đơn vị: triệu đồng)

STT		2016	2017	2018	2019	2020	2021-nay
Dự án 1: PC một số BTN NH và các bệnh KLN phổ biến		1.343,00	468,66	2.433,96	8.926,50	10.749,09	Chưa
Trong đó	Lao	507,00	293,76	189,94	989,00	1.431,75	Chưa
	Phong	44,60		152,99	355,00	535,51	Chưa
	Sốt rét	243,40		240,48	794,00	747,29	Chưa
	SXH	353,00		700,35	5.353,20	4.954,67	Chưa
	Tâm thần	175,00		930,71	459,00	291,63	Chưa
	Ung thư		34,90		273,00	432,45	Chưa
	Tim mạch		80,00	111,20	227,80	944,99	Chưa
	ĐTĐ và Iốt		60,00	85,80	236,70	1.065,17	Chưa
	BPTNMT&HP Q	20,00		22,49	212,70	116,31	Chưa
	Y tế trường học	180,00	180,00	180,00	228,90	229,33	Chưa
Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng		118,00		113,00	228,90	1.581,54	Chưa

Dự án 3: Dân số và phát triển		2.499,9 3	2.364,0 8	3.253,0 0	228,90	9.925,17	Chưa
Trong đó	Dân số - KHHGD	2.236,0 0	2.224,7 5	2.589,4 0	228,90	6.253,13	Chưa
	Phục hồi chức năng NKT				228,90	170,98	Chưa
	Chăm sóc sức khỏe NCT				228,90	86,00	Chưa
	Chăm sóc sức khỏe SS	20,43	34,54	42,70	228,90	241,26	Chưa
	Cải thiện SDD TE	243,50	104,79	620,90	228,90	3.173,80	Chưa
Dự án 4: An toàn thực phẩm		307,00		2.115,6 0	228,90	1.253,88	Chưa
Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS		353,00		487,00	228,90	2.450,14	Chưa
Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn				100,00	228,90	349,00	Chưa
Dự án 7: Quân dân y kết hợp				20,00	228,90	20,00	Chưa
Dự án 8: Theo dõi, giám sát, truyền thông				966,00	228,90	1.293,25	Chưa
Trong đó	Truyền thông Y tế- Dân số			502,00	228,90	930,51	Chưa
	Truyền thông ATTP			464,00	228,90	362,75	Chưa
Tổng		4.620,9 3	2.832,7 4	9.488,5 6	10.528,8 0	27.622,0 7	

2. Nhận xét, đánh giá

a) Ưu điểm

Sau 5 năm triển khai kế hoạch hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số của tỉnh đã đạt và hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu đề ra.

Nhận được sự quan tâm giúp đỡ và chỉ đạo chuyên môn của các đơn vị tuyến Trung ương, các Viện khu vực, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Y tế trong việc triển khai các hoạt động, hỗ trợ chính sách để hoạt động Dự án đạt hiệu quả; Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sự phối hợp tích cực của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, sự nỗ lực của cán bộ làm công tác y tế - dân số các cấp và sự đồng tình tham gia hưởng ứng của nhân dân.

Các dự án Trung ương đầu tư hỗ trợ về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án vận hành tại địa phương, cụ thể, về hỗ trợ về mặt chính sách, tạo hành lang pháp lý và có căn cứ để địa phương thực hiện hoạt động; hỗ trợ một phần kinh phí và vật tư, trang thiết bị chuyên môn cho từng chương trình; hỗ trợ

về mặt nhân sự qua các khóa/lớp tập huấn chuyên môn, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ trong từng lĩnh vực;

Các Dự án hoạt động nhiều năm nên hình thành hệ thống, phối hợp nhịp nhàng, cán bộ đầu mỗi dự án có nhiều kinh nghiệm; Sự nhiệt tình, tâm huyết của cán bộ y tế các tuyến và đội ngũ cộng tác viên tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân trong điều kiện khó khăn về điều kiện địa lý, kinh phí hạn hẹp.

Ý thức và nhận thức của người dân về tầm quan trọng của công tác phòng bệnh, tự bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình ngày càng được nâng cao qua 5 năm triển khai CT MTYT-DS.

Công tác thanh tra, kiểm tra được duy trì thường xuyên, theo đúng kế hoạch đặt ra và được triển khai rộng khắp từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, phường.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về ATTP được quan tâm, chú trọng; nhờ đó nhận thức, trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng từng bước được nâng lên, các cơ sở có ý thức hơn đối với hàng hóa thực phẩm tham gia vào thị trường.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, thuận lợi vẫn còn có những khó khăn, hạn chế gặp phải trong quá trình triển khai các hoạt động, cụ thể:

Trong giai đoạn 2016-2020, các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số ban hành theo Quyết định 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung và định mức chi các hoạt động của Chương trình được quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, hiện nay Thông tư 26/2018/TT-BTC đã hết hiệu lực và chưa có Thông tư thay thế nên việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên rất khó khăn, do không có định mức chi của các hoạt động.

Từ năm 2021 đến nay, các chương trình vẫn tiếp tục thực hiện nhằm nâng cao, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân không bị gián đoạn. Tuy nhiên, nguồn kinh phí ngân sách Trung ương không còn, địa phương chưa ban hành được Nghị quyết, nên ngành Y tế vận dụng các qui định đã ban hành tại địa phương để chi cho hoạt động chương trình MTYT-DS, nhưng thực tế triển khai một số hoạt động của chương trình có tính chất đặt thù nên không thể chi kinh phí được, do đó ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động cũng như kết quả thực hiện chương trình.

c) Kiến nghị, đề xuất

Ngày 13/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 1621/VPCP-KGVX về việc chuyển nội dung của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan

trung ương và địa phương; Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên, theo đó Bộ Tài chính hướng dẫn căn cứ Điều 30 Luật ngân sách nhà nước, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước, trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Vi vậy, cần thiết việc quy định nội dung và định mức chi các hoạt động, nhiệm vụ của CTMTQG Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên để thực hiện tại địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật ngân sách nhà nước và Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP.

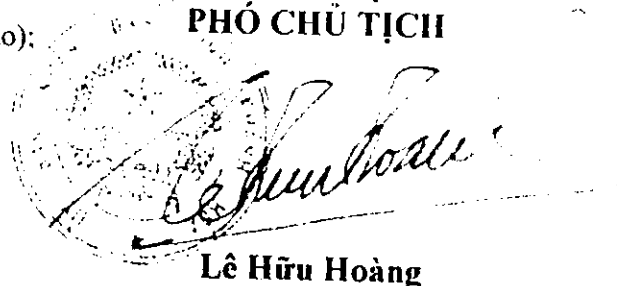
Do đó, cần rà soát, xây dựng quy định một số nội dung và mức chi các hoạt động, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy(báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế; Tài chính, Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNG, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

Số: 282/BC-UBND

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách quy định một số nội dung chi và mức chi
hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 31/7/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1125/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg; ngày 21/3/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 26/2018/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020.

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 đã cung cấp nhiều dịch vụ y tế, bao phủ chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần quan trọng cho mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội; Góp phần cải thiện và nâng cao sức khỏe của người dân Việt Nam; Xây dựng được một mạng lưới y tế dự phòng rộng khắp từ tuyến tỉnh tới tuyến cơ sở.

Các chỉ tiêu chuyên môn được ghi nhận, cụ thể là: Công tác phòng chống dịch luôn được quan tâm, có kế hoạch phòng chống dịch chủ động ngay từ đầu năm, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện và xử lý kịp, tỉnh Khánh Hòa kiểm soát được các bệnh, dịch mới nổi, không có dịch lớn xảy ra; Tiếp tục giảm số mắc, số chết của nhiều bệnh dịch nguy hiểm (đến năm 2020, giảm tỷ lệ mắc bệnh lao trong cộng đồng xuống còn 120,5/100.000 dân, giảm tỷ lệ mắc sốt rét xuống còn 0,02/1.000 dân số chung, không có chết do sốt rét); Kiểm soát được các ổ dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue, không để dịch phát tán thành ổ dịch lớn; Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ $\geq 95\%$ cho trẻ em dưới 1 tuổi, phụ nữ có thai tiêm UV2+ đạt $>95\%$; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân đã giảm từ 9,08% năm 2016, đến năm 2020 xuống còn 7,4 %; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể thấp còi đã giảm từ 10,4 % năm 2016 xuống 8,6% năm 2020; Chú trọng phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, y tế học đường, triển khai thực hiện quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng; Kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng, giảm số người nhiễm mới. Công tác dân số đã đạt được những kết quả vượt bậc, tốc độ gia tăng dân số đã được khống chế thành công, ổn định mức sinh thay thế; số con trung bình của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 1,77 con/phụ nữ; tỷ suất sinh thô giảm từ 14,8‰ (2016) xuống còn

14,32‰ (2020); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 0,74% vào năm 2016 giảm xuống còn 0,62% vào năm 2020; chất lượng dân số ngày càng được nâng lên, tuổi thọ bình quân, thu nhập bình quân đầu người tăng lên, nhiều mô hình, dự án về nâng cao chất lượng dân số được triển khai thành công và từng bước mở rộng khắp 100% huyện, thành phố, thị xã trong toàn tỉnh. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình của các cấp, các ngành và toàn dân. Mỗi cặp vợ chồng có 2 con đã trở thành chuẩn mực, lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội. Dịch vụ dân số và kế hoạch hóa gia đình được mở rộng, chất lượng ngày càng cao.

Tuy nhiên, đến nay đã kết thúc giai đoạn thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo Quyết định 1125/QĐ-TTg. Theo đó, các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu này, bao gồm Thông tư số 26/2018/TTBTC của Bộ Tài chính không còn được áp dụng nên việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên rất khó khăn, do không có định mức chi của các hoạt động.

Ngày 02/6/2020, Bộ Y tế có Công văn số 3033/BYT-KH-TC của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 7272/BYT-KH-TC ngày 27/12/2020 về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn tới; Ngày 13/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 1621/VPCP-KGVX về việc chuyển nội dung của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Bộ Y tế có Quyết định số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; Ngày 08/8/2022, Bộ Tài chính có Công văn số 7852/BTC-HCSN về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

Để duy trì các kết quả đã đạt được trong phòng, chống dịch, bệnh và sức khỏe cộng đồng; quản lý an toàn thực phẩm; tiêm chủng mở rộng và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; dân số và phát triển; chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe người cao tuổi; phòng chống HIV/AIDS, ...; Việc xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách, nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo là hết sức cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng và thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về công tác y tế - dân số tới người dân, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra của nhiều Kế hoạch và Chương trình về lĩnh vực Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

Duy trì được những thành quả và thành tựu đã đạt được của giai đoạn 2016 – 2020 và phấn đấu cho các mục tiêu giai đoạn mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ Trung ương và UBND tỉnh giao cho ngành Y tế.

- Kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các bệnh không lây nhiễm phổ biến, tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng và nâng cao chất lượng sức khỏe của người dân địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo quyền lợi của người tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được mục tiêu xây dựng chính sách đề ra, cơ quan tham mưu xây dựng chính sách dựa trên các điều kiện đảm bảo chế độ hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương; góp phần sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

Theo đó, đối tượng được hỗ trợ là người tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh. Nhằm duy trì được những thành quả và thành tựu đã đạt được của giai đoạn 2016 – 2020; kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các bệnh không lây nhiễm phổ biến, tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng và nâng cao chất lượng sức khỏe của người dân địa bàn tỉnh; thực hiện tốt các nhiệm vụ Trung ương và UBND tỉnh giao cho ngành Y tế.

Tên chính sách: Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

1. Xác định vấn đề bất cập

Giai đoạn 2016-2020, các cán bộ tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TTBTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020.

Đến nay đã kết thúc giai đoạn thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo Quyết định 1125/QĐ-TTg. Theo đó, các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu này, bao gồm Thông tư số 26/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính không còn được áp dụng.

Các hoạt động của chương trình vẫn tiếp tục thực hiện nhằm nâng cao, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân không bị gián đoạn nhưng các cán bộ y tế tham gia không được hưởng chế độ chính sách làm ảnh hưởng số lượng và chất lượng chương trình. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Vì thế, việc tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung, mức chi các hoạt động, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế -

Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện tại địa phương là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh được thực hiện liên tục, giữ vững thành quả của chương trình đã thực hiện trong thời gian qua.

- Có chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ công sức chính đáng của các cán bộ y tế tham gia thực hiện chương trình.

- Đảm bảo tài chính cho việc tiếp tục thực hiện hoạt động các nội dung, mục tiêu y tế trong thời gian tiếp theo tại tỉnh.

- Đảm bảo tính pháp lý của chính sách.

3. Các giải pháp đề xuất và đánh giá tác động của giải pháp

* **Giải pháp 1:** Tỉnh không ban hành một số nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

- Tác động kinh tế:

+ Đối với Nhà nước: Không làm phát sinh nguồn ngân sách.

+ Đối với đối tượng: Cán bộ y tế vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số nhưng không được hưởng chế độ chính sách làm ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng chương trình chăm sóc sức khỏe người dân.

- Tác động về mặt xã hội: Khó khăn trong việc duy trì hoạt động các chương trình mục tiêu nhằm bảo vệ bền vững những thành quả đã đạt được và tiếp tục hướng đến các chỉ tiêu giai đoạn mới; Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Tác động về giới: Chính sách này không gây bất bình đẳng về giới, mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng và công bằng trong việc tiếp cận và hưởng thụ chính sách.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không ban hành thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống văn bản quản lý, điều hành ổn định.

* **Giải pháp 2:** Tỉnh ban hành quy định một số nội dung và mức chi cho các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (theo quy định chi tiết đính kèm Nghị quyết).

So với Giải pháp 1, Giải pháp 2 khi có ngân sách hỗ trợ cho các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số thì việc phát hiện, quản lý và điều trị bệnh nhân trên các lĩnh vực sẽ được thuận lợi và hiệu quả hơn, cụ thể như sau:

- Tác động về kinh tế:

Tăng kinh phí nguồn ngân sách địa phương tuy nhiên đổi lại là sức khỏe cộng đồng và sức phát triển về kinh tế; góp phần giảm gánh nặng bệnh tật cho tỉnh nhà từ đó giảm nguồn kinh phí điều trị và phát triển kinh tế cho địa phương.

Dự kiến kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Thành tiền
1	Hoạt động phòng, chống lao	500
2	Hoạt động phòng, chống phong	500
3	Hoạt động phòng, chống sốt rét	1.500
4	Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	1.646
5	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	100
6	Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư, tim mạch và phòng, chống các rối loạn do thiếu lốt	1.500
7	Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	300
8	Hoạt động y tế trường học	200
9	Hoạt động tiêm chủng mở rộng	1.000
10	Hoạt động Dân số - KHHGD	5.700
11	Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật	200
12	Hoạt động Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	200
13	Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản	300
14	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	900
15	Hoạt động an toàn thực phẩm	600
16	Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS	1.000
17	Hoạt động Quân dân y kết hợp	200
18	Hoạt động truyền thông y tế	400
19	Hoạt động Huyết học – Truyền máu	300
	Tổng	17.046

Như vậy, dự kiến nhu cầu kinh phí hàng năm để thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là: **17.046.000.000 đồng** (tiền bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện việc hỗ trợ.

- Tác động về xã hội: Chính sách được ban hành đảm bảo quyền lợi chính đáng của các đối tượng được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình và đối với người dân được hưởng lợi ích từ triển khai các hoạt động của chương trình nhằm

khuyến khích, động viên và duy trì kết quả đạt được góp phần chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người dân, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tác động về giới: Không phát sinh.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính đồng bộ, cập nhật các quy định liên quan đến chính sách, chế độ hiện hành của Trung ương và cân đối phù hợp với ngân sách của địa phương; phát sinh văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Cơ quan soạn thảo đã thực hiện việc khảo sát các tỉnh, thành phố trên toàn quốc với mức hỗ trợ đề xuất như trên là phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế hiện nay; Trên cơ sở phân tích của các giải pháp, cơ quan soạn thảo kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 02**.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các giải pháp trên bằng Nghị quyết.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn để tổ chức thực hiện.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Các hình thức lấy ý kiến dự thảo báo cáo đánh giá tác động

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc lấy ý kiến các cơ quan về đề nghị xây dựng nghị quyết; theo đó, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động cùng với các hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết được cơ quan soạn thảo gửi lấy ý kiến bằng nhiều hình thức và nhiều đối tượng khác nhau:

- Các cơ quan Trung ương: Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

- Các cơ quan ở địa phương: Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh ít nhất 30 ngày để lấy ý kiến rộng rãi người dân theo đúng quy định.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của các tổ chức, đơn vị, cá nhân, Sở Y tế tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện báo cáo và có bảng tổng hợp ý kiến giải trình các nội dung góp ý.

2. Kết quả khảo sát, lấy ý kiến đối với nhóm đối tượng chịu tác động

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, Sở Y tế tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện báo cáo và có bảng tổng hợp ý kiến giải trình các nội dung góp ý kèm theo.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Sở Y tế

Sở Y tế phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức thi hành chính sách sau khi được Hội

đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đồng thời, theo dõi, đánh giá hiệu quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh Khánh Hòa bố trí và phân bổ ngân sách hằng năm để thực hiện chính sách; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế; Tài chính, Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thiệu

